

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ T,
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 77/2024/DS-ST
Ngày: 17-7-2024
Về việc đòi tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T, TỈNH LONG AN

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Kiều Trinh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Trần Thị Chiêm

Bà Nguyễn Thị Tĩnh

- **Thư ký phiên tòa:** ông Lê Văn Hà – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tân An, tỉnh Long An.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh Long An tham gia phiên tòa:** ông Nguyễn Văn Hải – Kiểm sát viên.

Vào ngày 17 tháng 7 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Long An xét xử công khai vụ án thụ lý số 72/2024/TLST-DS ngày 01 tháng 3 năm 2024 về “Đòi tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 93/2024/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị Kim A, sinh năm 1947;

Địa chỉ: Ấp D, xã M, huyện T, tỉnh Long An

- **Bị đơn:** Bà Nguyễn Thị Ngọc L, sinh năm 1976;

Địa chỉ: D ấp C, xã L, thành phố T, tỉnh Long An.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1/ Ông Nguyễn Trọng V, sinh năm 1982;

Địa chỉ: Ấp D, xã M, huyện T, tỉnh Long An.

2/ Ông Phùng Huy H, sinh năm 1988;

Địa chỉ: Thôn K, xã K, thị xã S, Thành phố Hà Nội.

(Bà A, bà L, ông V có mặt, ông H có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 29 tháng 01 năm 2024 của bà Nguyễn Thị Kim A và các lời trình bày của bà A có trong hồ sơ có nội dung:

Năm 2019, bà có bán cho bà Nguyễn Thị Ngọc L một thửa đất thổ cư tọa lạc Ấp D, xã M, huyện T, tỉnh Long An. Bà Nguyễn Thị Ngọc L có trả tiền mua đất cho bà và có giữ lại số tiền 150.000.000đ để nộp tiền thuế thu nhập cá nhân và nộp tiền sử dụng đất do thửa đất của bà thuộc trường hợp phải nộp tiền sử dụng đất theo quy định tại Khoản 1 Điều 1 Quyết định số 48/2012/QĐ-TTg ngày 01/11/2012 của Thủ tướng Chính phủ. Bà Nguyễn Thị Ngọc L đã nộp tiền thuế thu nhập cá nhân là 4.400.000đ và nộp tiền sử dụng đất là 110.000.000đ, tổng cộng là 114.400.000đ, còn thừa lại là 35.600.000đ nhưng bà Ngọc L không trả lại cho bà. Sau đó bà đã gặp bà L để đòi lại số tiền nói trên nhưng bà L nói rằng đã trả cho bà rồi. Vì vậy, bà làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị Ngọc L phải trả lại cho bà số tiền là 35.600.000đ và tính lãi suất phát sinh trên số tiền này từ tháng 9/2020 cho đến khi khởi kiện theo lãi suất quá hạn của ngân hàng N là $35.600.000đ \times 1,8\%/tháng \times 40 tháng = 25.632.000đ$, tổng cộng là 61.232.000đ.

Khi bà L giữ lại số tiền nhận chuyển nhượng đất của bà thì bà L có lập “Biên nhận” nhưng không có đề ngày tháng năm do bà L tự tay viết và giao cho bà giữ.

Tại phiên tòa, bà A thay đổi yêu cầu khởi kiện, yêu cầu bà L trả cho bà số tiền đóng thuế còn thừa là 35.600.000đ và yêu cầu tính lãi suất từ ngày 30/9/2020 đến ngày 31/12/2022 là (được xác định là 27 tháng) theo mức lãi suất là 1,8%/tháng là 17.301.000đ. Đồng thời, bà A cũng xác định là bà A chỉ giao dịch và thỏa thuận với bà L nên bà A chỉ yêu cầu bà L có trách nhiệm trả cho bà số tiền này.

Bị đơn, bà Nguyễn Thị Ngọc L trình bày:

Năm 2019, bà và ông Phùng Huy H có nhận chuyển nhượng thửa đất số 1711 tờ bản đồ số 01 tọa lạc tại Ấp D, xã M, huyện T, tỉnh Long An. Việc chuyển nhượng đất được lập tại Văn phòng C1 giữa bà, ông H và bà Nguyễn Thị Kim A, ông Nguyễn Trọng V là thành viên trong hộ gia đình ký sang tên. Khi giao dịch mua bán, thì hai bên thống nhất là bà sẽ giữ lại số tiền 130.000.000đ để đóng thuế và thanh toán chi phí làm thủ tục xóa bỏ chữ hộ trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Sau khi nộp thuế và trừ các chi phí thì bà có đưa lại số tiền thừa cho ông V tại Bến xe L, từ đó mọi việc đã xong nên bà không còn liên lạc qua lại với bà A nữa.

Khi bà giữ lại tiền chuyển nhượng của bà A thì bà có viết cho bà A một “Biên nhận” không đề ngày tháng năm có nội dung là bà giữ của bà A số tiền là 150.000.000đ. Tuy nhiên, sau đó bà A đổi ý chỉ đồng ý cho bà giữ lại 130.000.000đ nên phía sau biên nhận có chữ viết của bà A xác định là chỉ cho bà giữ lại 130.000.000đ, nhưng hiện nay dòng chữ này đã bị tẩy xóa.

Nay bà A khởi kiện yêu cầu bà trả tiền cho bà A thì bà đồng ý trả cho bà A số tiền sau khi đã trừ tiền thuế thu nhập cá nhân là 4.400.000đ và nộp tiền sử dụng đất là 110.000.000đ, tổng cộng là 114.400.000đ, còn lại là 15.600.000đ, không đồng ý yêu cầu trả lãi.

Về nghĩa vụ trả nợ: bà **L** xác định việc bà nhận chuyển nhượng đất với bà **A** không phải là của cá nhân bà mà còn có sự hợp tác với ông **Phùng Huy H**. Tuy nhiên, việc hợp tác giữa bà và ông **H** đã xong, chỉ có bà là người đứng ra giữ tiền của bà **A** nên bà xác định là chỉ có bà có trách nhiệm trả tiền còn thừa cho bà **A**, ông **H** không có trách nhiệm gì trong giao dịch này.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông **Nguyễn Trọng V** trình bày:*

Ông là con ruột của bà **Nguyễn Thị Kim A**. Năm 2019, mẹ ông có bán cho bà **Nguyễn Thị Ngọc L** một căn nhà tọa lạc **Ấp D, xã M, huyện T, tỉnh Long An** với số tiền là 790.000.000đ. Bà **L** đưa tiền tại Văn phòng công chứng và có viết lại tờ giấy giữ lại của mẹ ông số tiền là 150.000.000đ để nộp thuế cho nhà nước, nếu còn dư tiền thì bà **L** sẽ trả lại cho mẹ ông, nếu thiếu thì mẹ ông sẽ đưa thêm. Sau khi hỏi qua bên cơ quan thuế, mẹ ông mới biết bà **L** đóng tiền thuế cho mẹ ông còn dư là 35.600.000đ nhưng cho đến nay bà **L** vẫn chưa trả lại cho mẹ của ông. Năm 2023, bà **L** đến gặp mẹ ông nhờ ký tên xác nhận vào hồ sơ đất đai thì mẹ ông có nhắc bà **L** trả tiền thuế còn dư lại cho mẹ ông thì bà **L** nói là tiền đóng thuế còn dư có 400.000đ, bà **L** đã đưa cho ông tại **Bến xe L**. Ông xác định là bà **L** không có đưa tiền cho ông nên các bên cãi vã dẫn đến xô xát. Nay mẹ ông khởi kiện yêu cầu bà **L** trả lại số tiền nộp thuế còn thừa và tiền lãi suất phát sinh trên số tiền đó ông cũng thống nhất yêu cầu bà **L** trả lại số tiền này cho mẹ ông.

Về phần nội dung ở mặt sau của tờ “Biên nhận” không đề ngày có nội dung xác định bà **L** giữ lại của mẹ ông 150.000.000đ thì nội dung là do ông viết và mẹ ông ký tên, dòng chữ này được viết sau khi mang tờ “Biên nhận” về nhà nên nội dung không liên quan gì đến mẹ ông và bà **L**. Ông viết như vậy vì ông nghĩ ông muốn lấy riêng 20.000.000đ, nhưng sau đó ông suy nghĩ lại thấy chắc làm vậy không được nên ông tự xóa những dòng chữ đó, mẹ ông không biết gì về nội dung này.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông **Phùng Huy H** trình bày:*

Năm 2019, ông và bà **Nguyễn Thị Ngọc L** có hợp tác nhận chuyển nhượng nhà và đất của bà **Nguyễn Thị Kim A** tại **xã M, huyện T, tỉnh Long An**. Tuy ông và bà **L** cùng mua nhưng ông để cho bà **L** thực hiện giao dịch với bà **Kim A**, ông không có tham gia. Nay bà **Kim A** khởi kiện bà **L** yêu cầu bà **L** trả cho bà **Kim A** số tiền giữ lại đóng thuế thì ông xác định là việc hùn hạp tiền giữa ông với bà **L** đã xong, còn việc bà **L** giao dịch, giữ tiền của bà **A** như thế nào thì ông không biết. Nay bà **A** xác định không có yêu cầu ông có trách nhiệm gì trong vụ án này nên ông cũng không có ý kiến gì. Ông đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. Do điều kiện công việc nên ông đề nghị Tòa án cho ông vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu:

- Về tố tụng: Thẩm phán, thư ký, Hội đồng xét xử tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Những người tham gia tố tụng chấp hành đúng theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung: xét thấy yêu cầu khởi kiện của bà **Nguyễn Thị Kim A** là không đủ căn cứ chấp nhận toàn bộ nên đề nghị chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và đề nghị giải quyết các vấn đề khác theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền: Bà Nguyễn Thị Kim A khởi kiện “Tranh chấp đòi tài sản” với bà Nguyễn Thị Ngọc L có địa chỉ cư trú tại thành phố T nên căn cứ vào Khoản 3 Điều 26; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Tân An, tỉnh Long An.

[2] Về việc xét xử vắng mặt Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện việc niêm yết, tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cho các đương sự trong vụ án. Ông Phùng Huy H vì lý do bận công việc không thể tham dự nên đã có đơn xin vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng tại Tòa án. Hội đồng xét xử xét thấy phiên tòa hôm nay dù vắng mặt đương sự nêu trên nhưng Tòa án đã tiến hành đầy đủ thủ tục tố tụng nên việc xét xử vắng mặt các đương sự này là đúng theo quy định tại Điều 227, Khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự.

[3] Về nội dung vụ án: Căn cứ vào “Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất” được các bên tham gia giao kết vào ngày 09/5/2020 tại Văn phòng C1 đủ cơ sở xác định giữa bà Nguyễn Thị Kim A, ông Nguyễn Trọng V và bà Nguyễn Thị Ngọc L, ông Phùng Huy H có xác lập giao định nhận chuyển nhượng thửa đất số 1711 tờ bản đồ số 01 có diện tích 100m² loại đất ở tại nông thôn tọa lạc tại Ấp D, xã M, huyện T, tỉnh Long An. Các bên xác định không có tranh chấp về hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất này mà chỉ tranh chấp về phần tiền thực hiện nghĩa vụ đóng thuế khi thực hiện hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Bà Kim A cho rằng bà L giữ lại của bà A số tiền 150.000.000đ tiền chuyển nhượng đất để thực hiện nghĩa vụ của bà A, sau khi thực hiện việc đóng thuế xong thì bà L không trả cho bà số tiền đóng thuế còn dư. Bà L cho rằng bà chỉ giữ lại của bà A số tiền 130.000.000đ và sau khi đóng thuế thì bà L đã trả lại số tiền thuế còn dư cho ông V là con ruột của bà A tại Bến xe L. Các bên không thống nhất được việc giao nhận tiền nên xảy ra tranh chấp. Hội đồng xét xử nhận thấy:

[4] Bà A căn cứ vào tờ “Biên nhận” không đề ngày có chữ ký và chữ viết của bà L để cho rằng bà L đã giữ lại của bà A số tiền 150.000.000đ tiền đóng thuế. Bà L thừa nhận chữ trong “Biên nhận” không đề ngày này là do bà viết với số tiền ban đầu các bên thỏa thuận là 150.000.000đ, nhưng sau đó bà A cho rằng giữ như vậy là nhiều nên đề nghị bà L chỉ giữ lại 130.000.000đ, các bên thống nhất không lập giấy mới mà để bà A và ông V ghi vào mặt sau để xác định là bà L chỉ giữ lại số tiền 130.000.000đ. Tuy nhiên, dòng chữ ghi ở mặt sau của tờ “Biên nhận” này đã bị ông V tẩy xóa không còn đọc được nội dung.

[5] Căn cứ vào Kết luận giám định số 276/KL-KTHS ngày 07/6/2024 của Phòng K Công an tỉnh L đã xác định những dòng chữ bị che phủ ở trang 02 trên tờ “Biên nhận” có nội dung: “Bà L giữ 130.000.000 của bà Nguyễn Thị Kim A ...(Một trăm ba mươi triệu đồng để đóng thuế hộ chính sách)....Kim A”. Đồng thời Kết luận giám định cũng xác định dòng chữ “Bà L giữ 130.000.000 của bà Nguyễn Thị Kim A ...(Một trăm ba mươi triệu đồng để đóng thuế hộ chính sách)...” do ông Nguyễn Trọng V là người viết; chữ “Kim A” là do bà Kim A viết.

[6] Thấy rằng, giữa bà L và bà A có lập thỏa thuận giữ lại một phần tiền chuyển nhượng đất để thực hiện nghĩa vụ đóng thuế khi xác lập hợp đồng chuyển nhượng quyền sử

dụng đất. Bà L viết “Biên nhận” giao cho bà A giữ để xác định số tiền các bên thỏa thuận giữ lại. Ban đầu các bên thỏa thuận là giữ lại 150.000.000đ nhưng sau đó thay đổi lại thỏa thuận là chỉ giữ lại 130.000.000đ nên việc thay đổi thỏa thuận cũng được lập thành văn bản ghi ở mặt sau của “Biên nhận”. Tuy nhiên, ông V cho rằng nội dung ở mặt sau của “Biên nhận” là do ông tự viết thêm vào, không có ý nghĩa nên ông đã tự ý tẩy xóa. Xét thấy, những dòng chữ ở mặt sau của “Biên nhận” đã được Phòng giám định kỹ thuật hình sự xác định nội dung “Bà L giữ 130.000.000 của bà Nguyễn Thị Kim A...(Một trăm ba mươi triệu đồng để đóng thuế hộ chính sách)...” phù hợp với lời trình bày của bà L về việc các bên có xác định lại số tiền bà L được giữ lại để thực hiện việc đóng thuế cho bà Kim A. Ông V cho rằng nội dung này không có ý nghĩa là không có căn cứ vì nội dung này đã được bà Kim A ký tên xác nhận phía dưới nên việc ông V cố tình tẩy xóa nội dung ở mặt sau của “Biên nhận” là nhằm phá hoại chứng cứ, mục đích là xóa bỏ phần nội dung xác định sự thay đổi thỏa thuận giữa bà L và bà A. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy đủ căn cứ xác định bà L chỉ giữ lại của bà A số tiền 130.000.000đ.

[7] Tại phiên tòa, bà L xác định, bà đã đóng thuế cho bà A bao gồm tiền thuế thu nhập cá nhân là 4.400.000đ và nộp tiền sử dụng đất là 110.000.000đ, tổng cộng là 114.400.000đ, còn lại là 15.600.000đ. Bà L đã đưa cho ông V tại Bến xe L. Ông V xác định ông không có nhận số tiền trên từ bà L vì nếu bà L trả tiền thì phải trả cho bà A là mẹ của ông chứ không phải trả cho ông. Xét thấy, bà L không có chứng cứ gì chứng minh đã đưa phần tiền còn lại sau khi thực hiện các nghĩa vụ đóng thuế cho bà A nên việc bà A khởi kiện yêu cầu bà L trả lại số tiền còn lại sau khi đóng thuế là có căn cứ theo quy định tại Điều 166 Bộ luật dân sự. Tuy nhiên, số tiền thừa còn lại được xác định là 15.600.000đ, không phải là 35.600.000đ như bà A yêu cầu nên Hội đồng xét xử chỉ chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà A.

[8] Về tiền lãi phát sinh: theo Thông báo nộp tiền sử dụng đất, Thông báo nộp thuế thu nhập cá nhân được cơ quan thuế ban hành vào ngày 07/8/2020 thì khi bên nhận chuyển nhượng muốn nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã được cập nhật cho người nhận chuyển nhượng thì đồng thời phải hoàn thành các nghĩa vụ về thuế đối với nhà nước nên có căn cứ xác định bà L đã thực hiện việc đóng thuế trong tháng 8/2020. Đáng lý ra sau khi thực hiện nghĩa vụ thuế thì bà L phải trả số tiền còn thừa lại cho bà A ngay sau khi thực hiện việc đóng thuế đúng theo như sự thỏa thuận trong tờ “Biên nhận” nhưng bà L lại giữ số tiền này cho đến nay. Vì vậy, bà A khởi kiện yêu cầu bà L phải chịu tiền lãi phát sinh trên số tiền chậm trả là có căn cứ theo quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự.

[9] Về mức lãi suất áp dụng, xét thấy bà L chậm trả lại cho bà A số tiền đóng thuế còn dư từ khoảng thời gian 9/2020 đến nay làm ảnh hưởng quyền lợi của bà A nên cần buộc bà L phải trả cho bà A số tiền lãi theo lãi suất chậm trả được quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự. Tại phiên tòa, bà A xác định chỉ yêu cầu tính lãi từ tháng ngày 30/9/2020 cho đến ngày 31/12/2022 (được xác định là tròn 27 tháng) là có lợi cho bà L. Hội đồng xét xử xét thấy đây là ý chí tự nguyện của bà A nên ghi nhận, bà L phải trả số tiền lãi cụ thể như sau:

$$15.600.000đ \times 10\%/năm \times 27 \text{ tháng} = 3.510.000đ.$$

[10] Về trách nhiệm trả tiền cho bà A: Bà L cho rằng việc bà nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất với bà Kim A là sự hợp tác giữa bà L với ông Phùng Huy H. Việc góp

vốn nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà và ông H đã xong nên bà xác định bà có trách nhiệm trả số tiền đóng thuế còn thừa cho bà A. Bà A cũng xác định tất cả các giao dịch giữa bà A và bà L đều do bà L thực hiện nên bà A cũng không có yêu cầu ông H có trách nhiệm trả tiền cho bà A. Xét thấy, đây là ý chí của các đương sự nên Hội đồng xét xử ghi nhận, không buộc ông H phải có trách nhiệm trả tiền cho bà A.

[11] Về chi phí giám định: Bà Nguyễn Thị Kim A, ông Nguyễn Trọng V phải liên đới chịu chi phí giám định là 3.500.000đ theo quy định tại Khoản 3 Điều 103 Bộ luật tố tụng dân sự. Bà Nguyễn Thị Ngọc L đã tạm ứng nên cần buộc ông V, bà A trả lại cho bà L số tiền trên.

[12] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tân An tham gia phiên tòa phát biểu về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án và quan điểm giải quyết vụ án trên là có căn cứ theo quy định của pháp luật.

[13] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị Ngọc L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 19.110.000đ theo quy định tại Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án do yêu cầu khởi kiện của bà Kim A được chấp nhận.

Bà Nguyễn Thị Kim A không phải chịu án phí đối với một phần yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận do là người cao tuổi theo quy định tại Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26; Điều 34; Điều 35; Điều 39; Điều 217, Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Áp dụng Điều 166; Điều 357 Bộ luật dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim A yêu cầu bà Nguyễn Thị Ngọc L trả cho bà số tiền đóng thuế còn thừa là 15.600.000đ và tiền lãi phát sinh 3.510.000đ, tổng cộng là 19.110.000đ.

Buộc bà Nguyễn Thị Ngọc L trả cho bà Nguyễn Thị Kim A số tiền 19.110.000đ.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim A yêu cầu bà Nguyễn Thị Ngọc L trả cho bà số tiền đóng thuế còn thừa là 20.000.000đ và tiền lãi phát sinh là 13.791.000đ, tổng cộng là 33.791.000đ.

3. Về chi phí tố tụng: Buộc ông Nguyễn Trọng V, bà Nguyễn Thị Kim A phải trả lại cho bà Nguyễn Thị Ngọc L số tiền giám định chữ ký, chữ viết là 3.500.000đ.

4. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi thực hiện nghĩa vụ do chậm trả tiền theo quy định tại Khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian còn phải thi hành.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà **Nguyễn Thị Ngọc L** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 955.500đ.

6. Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

7. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND tp. Tân An;
- Chi cục THA tp. Tân An;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thị Kiều Trinh